

Số: 01/2018/QĐDS – ST
Ngày: 29 – 3 – 2018
V/v: Yêu cầu công nhận
thuận tình ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần giải quyết việc dân sự:

Chủ tọa phiên họp: Ông Nguyễn Văn Tửu – Thẩm phán.

- Thư ký phiên họp: Ông Nguyễn Thành Luân, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên họp:
Bà Trần Ngọc Bích, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long, mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 23/2018/TLST – HNGĐ, ngày 19 tháng 3 năm 2018, về: Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn. Theo Quyết định mở phiên họp số: 09/2018/QĐPH-ST, ngày 19 tháng 3 năm 2018.

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Chị Thái Thị Huyền T, sinh năm 1991; cư trú tại ấp H, xã Y, huyện V, tỉnh Vĩnh Long (xin vắng mặt).

2. Anh Chen, Chun – J, sinh năm 1977; địa chỉ ở nước ngoài: P, khóm x, phố P, khu C, thành phố Đài Nam, Đài Loan (xin vắng mặt).

- Những vấn đề cụ thể yêu cầu Tòa án giải quyết gồm:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Thái Thị Huyền T và anh Chen, Chun – J yêu cầu được công nhận thuận tình ly hôn.

2. Về con chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án, từ khi thụ lý đến thời điểm hiện nay thấy rằng Thẩm phán, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự, không có vi phạm.

Đối với yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của chị T và anh J là có căn cứ. Bởi, cuộc sống vợ chồng của anh chị không hạnh phúc do bất đồng ngôn

ngữ, tính tình không hợp nhau và anh chị thật sự tự nguyện ly hôn nên Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của chị T và anh J; về con chung, tài sản chung, nợ chung không yêu cầu giải quyết nên không xét.

NHẬN ĐỊNH:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên họp, Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Quan hệ hôn nhân giữa chị Thái Thị Huyền T và anh Chen, Chun – J là quan hệ hôn nhân có yếu tố nước ngoài, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án Việt Nam và được áp dụng pháp luật Việt Nam để giải quyết theo quy định tại Điều 122, 123 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và Điều 469 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Chị T và anh J đều có yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Vì thế, Tòa xác định đây là việc dân sự không tiến hành hòa giải được và Tòa tiến hành giải quyết vắng mặt chị T và anh J theo quy định tại Điều 207 và khoản 2 Điều 367 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

- Về nội dung:

[1] Tháng 6/2014, chị T và anh J quen biết và tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 250, quyển số 02/2014, ngày 22/8/2014. Sau thời gian chung sống, anh chị nhận thấy tính tình không hợp, bất đồng ngôn ngữ, cuộc sống không hòa thuận, không có hạnh phúc. Nay chị T và anh J yêu cầu được thuận tình ly hôn; về con chung, tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét, chị T và anh J yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn là hoàn toàn tự nguyện. Nên căn cứ vào Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Tòa án chấp nhận yêu cầu của chị T và anh J.

[2] Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[3] Về lệ phí sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 149 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Chị T và anh J mỗi người phải nộp 150.000đ và được khấu trừ số tiền tạm ứng 300.000đ mà chị T, anh J đã nộp theo biên lai thu số 0000904, ngày 16/3/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long, chị T và anh J không phải nộp thêm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 367, Điều 207, Điều 469, khoản 2 Điều 149 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 55, Điều 122, 123 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Thái Thị Huyền T và anh Chen, Chun – J. Công nhận cho chị Thái Thị Huyền T và anh Chen, Chun – J được thuận tình ly hôn.

2. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về lệ phí sơ thẩm: Chị T và anh J mỗi người phải nộp 150.000đ và được khấu trừ số tiền tạm ứng 300.000đ mà chị T, anh J đã nộp theo biên lai thu số 0000904, ngày 16/3/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long, chị T và anh J không phải nộp thêm.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định./.

Nơi nhận:

- TANDCC. Tại TP.HCM;
- VKSND T.VL;
- Cục THADS tỉnh Vĩnh Long;
- Người yêu cầu;
- UBND xã Y, huyện V;
- Lưu HS; VP, TDS;

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Tửu